

Xếp hạng sau ván 4

Hạng	Số	Đội	Ván cờ	+	=	-	HS1	HS2	HS3	HS4	HS5	TB6
1	1	M E C	4	3	1	0	7	12,5	26	15	0	28
2	5	M A C E	4	3	0	1	6	12,5	22	16	0	33
3	3	A S I E T	4	2	2	0	6	11	23	16	0	32
4	2	R S E T	4	2	1	1	5	10	22	21	0	23
5	10	S S E T	4	2	0	2	4	9	4	14	0	22
6	4	M I T S	4	1	2	1	4	8	13	19	0	18
7	8	M E S C E T	4	1	1	2	3	6	3	16	0	15
8	6	I C E T	4	1	1	2	3	5	7	18	0	14
9	7	I I E T	4	1	0	3	2	4	0	12	0	8
10	9	S N M I T	4	0	0	4	0	2	0	13	0	7

Ghi chú

Hệ số phụ 1: Matchpoints (2 for wins, 1 for Draws, 0 for Losses)

Hệ số phụ 2: points (game-points)

Hệ số phụ 3: Total MP opponent × MP scored. (EMMSB)

Hệ số phụ 4: Sum of Matchpoints (variabel)

Hệ số phụ 5: Extended Direct Encounter for teams (EDE) (Matchpoints, Forfeited games count)

Hệ số phụ 6: Berlin Tie Break

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1500296.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results